TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 11 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 453/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Như Y, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2019, nguyên đơn chị Nguyễn Như Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Trần Văn N tự nguyện chung sống với nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Trong thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cải nhau, sự việc được hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không đoàn tụ được nên vợ chồng đã ly

thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh N được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Y xác định có một con chung tên Trần Trung Ng sinh ngày 12/12/2010, hiện anh N đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị Y yêu cầu giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng, việc cấp dưỡng cho con không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Chị Y xác định không có, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Văn N, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Như Y có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt; anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Y, anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Y với anh N tự nguyện chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Như Y với anh Trần Văn N được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị Y xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cải nhau, sự việc được hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không đoàn tụ được nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Chị Y xác định không thể tiếp tục chung sống với anh N được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N; đối với anh Trần Văn N, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị Y nhưng anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Y, điều này cho thấy anh N đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Mặt khác, tại đơn thuận tình ly hôn đề ngày 23/7/2015, anh N và chị Y xác định: "tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài được". Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y với anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Y cho chị Y được ly hôn với anh N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Y và anh N có 01 người con tên Trần Trung Ng sinh ngày 12/12/2010, do anh N đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị Y yêu cầu giao cháu Ng cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con không đặt ra; đối với anh N

không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con. Xét thấy từ khi anh N và chị Y chị ly thân cháu Ng do anh N nuôi dưỡng, việc chị Y tự nguyện giao con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội được chấp nhận; đối với việc cấp dưỡng cho con chị Y và anh N không đặt ra, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản và nợ: Chị Y xác định trong thời gian chung sống chị Y và anh N không có tài sản chung, không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh N không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm chị Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Như Y, cho chị Nguyễn Như Y được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Trung Ng sinh ngày 12/12/2010 cho anh N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Như Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009829 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Y, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tiêu Hồng Phượng